

MỤC TIÊU CƯỜNG QUỐC TÂM TRUNG VÀ VIỄN CẢNH NGOẠI GIAO VIỆT NAM SAU NĂM 2030

*Lê Đình Tĩnh**

Tóm tắt

Một trong những bí quyết thành công của sự nghiệp Đổi mới và của ngoại giao Việt Nam kể từ năm 1986 đến nay là không ngừng tìm tòi cái mới, tạo đột phá. Từ phá thế bao vây cấm vận tới hội nhập kinh tế và hội nhập quốc tế, ngoại giao Việt Nam đã tự đổi mới tư duy, thích ứng, chủ động hòa giải thách thức, kiến tạo cơ hội. Thành công của ngoại giao Việt Nam trên cả hai bình diện song phương và đa phương bắt nguồn từ cách tiếp cận đó. Việt Nam trở thành một nước ngày càng tích cực đóng góp vào công việc chung của khu vực và thế giới với thế và lực mới. Bài viết này cố gắng làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn xoay quanh ý tưởng cường quốc tâm trung cho Việt Nam sau năm 2030.

Từ khóa: ngoại giao Việt Nam, hội nhập quốc tế, cường quốc tâm trung

Một vấn đề thú vị đặt ra trong quá trình thảo luận xây dựng chính sách đối ngoại là liệu Việt Nam có thể thành một cường quốc tâm trung sau năm 2030 hay không? Ứng xử ngoại giao Việt Nam lúc đó sẽ có điểm gì mới so với giai đoạn hiện nay? Để góp phần trả lời những câu hỏi đó, bài viết này tập trung vào ba nội dung chính như sau: (i) cơ sở lý luận (ii) liên hệ thực tiễn khu vực, thế giới; (iii) tính khả thi và vấn đề đặt ra cho Việt Nam trong vai trò cường quốc tâm trung.

* TS, Phó Viện trưởng Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao. Bài viết thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả.

Cơ sở lý luận

Theo từ điển *Britannica*, cường quốc tầm trung là nước nằm “giữa” trên thang bảng sức mạnh quốc tế, dưới các siêu cường, nhưng có đủ khả năng tác động đến các sự kiện quốc tế.¹ Khái niệm cường quốc tầm trung với chức năng là một cơ sở phân tích về các quốc gia được cho là có nguồn gốc từ thế kỷ XVI, dựa trên các tác phẩm của nhà triết học I-ta-li-a Giovanni Botero. Đến Hội nghị Paris 1815, các cường quốc tầm trung đã thể hiện vai trò tích cực và được công nhận như một nhóm quốc gia đặc trưng trong hệ thống quốc tế.²

Một số công trình nghiên cứu gần đây cho rằng tiêu chí nhận diện cường quốc tầm trung gồm sức mạnh quân sự, năng lực quốc gia, vị trí địa chiến lược và khả năng lãnh đạo, dẫn dắt, uy tín quốc tế.³ Một số nghiên cứu khác cho rằng cần nhìn vấn đề rộng hơn, tập trung vào năm tiêu chí sau: (i) năng lực quốc gia; (ii) vị trí trong trật tự thế giới; (iii) những giá trị chuẩn tắc về tổ chức nhà nước - xã hội; (iv) lợi ích chính của các giai cấp, tầng lớp trong nước; (v) đặc thù về chính sách đối ngoại.⁴ Những tiêu chí này được đề xuất dựa trên sự kết hợp về lý luận của nhiều trường phái khác nhau trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và

¹ Bac, Meltem, “Middle Power”, *Britannica*, tại <https://www.britannica.com/topic/middle-power>, truy cập ngày 2/5/2018.

² Yilmaz, Suhnaz, “Middle Powers and Regional Powers”, *Oxford Bibliographies*, 27/9/2017, <http://www.oxfordbibliographies.com/view/document/obo-9780199743292/obo-9780199743292-0222.xml>, truy cập ngày 3/5/2018.

³ Eduard Jordaan, “The Concept of a Middle Power in International Relations: Distinguishing between Emerging and Traditional Middle Powers”, *Politikon: South African Journal of Political Studies*, 30 (1) (2003): 165-181.

⁴ Xin xem thêm C. Holbraad, *Middle Powers in International Politics* (London: Macmillan, 1984); R. W. Cox, *Approaches to World Order*, with Timothy Sinclair (Cambridge: University of Cambridge Press, 1996); C. Pratt (ed.), ‘Middle Power Internationalism and Global Poverty’, *Middle Power Internationalism: The North-South Dimension* (Montreal: McGill-Queen’s University Press, 1990); M. Neufeld, ‘Hegemony and Foreign Policy Analysis: The Case of Canada’, *Studies in Political Economy*, 48 (1995): 7-29.

chính trị học. Trong đó, thuyết hiện thực coi trọng tiêu chí năng lực, thứ bậc quốc gia, thuyết tự do nhấn mạnh hợp tác, thuyết Gramsci mới (neo-Gramscian) đề cao vai trò, vị thế tương đối của các quốc gia trong hệ thống kinh tế - chính trị toàn cầu, trong khi thuyết kiến tạo nhấn mạnh bản sắc và những giá trị có tính chuẩn tắc.

Để đơn giản hóa vấn đề và trên cơ sở kết hợp vận dụng các lý thuyết trên, tựu chung lại, tiêu chí cơ bản nhận diện cường quốc tầm trung gồm: Sức mạnh, năng lực quốc gia; Hành vi, ứng xử ngoại giao, uy tín quốc tế; Bản sắc, giá trị. Về cơ bản, một quốc gia có sức mạnh, tầm ảnh hưởng dưới siêu cường nhưng nhỉnh hơn phần còn lại, có lối ứng xử ngoại giao không quá quyết liệt, tham vọng nhưng trên mức phòng thủ tiêu cực và đại diện cho một bản sắc nào đó có thể được xem là cường quốc tầm trung.

Cụ thể hơn, về khía cạnh *sức mạnh, năng lực* quốc gia, các tiêu chí chủ chốt bao gồm năng lực chính trị xã hội trong nước, chính trị quốc tế, dân số, kinh tế, quân sự, nông nghiệp, năng lượng, khoa học công nghệ, tài nguyên thiên nhiên và chất lượng môi trường.⁵ Trên các khía cạnh này, các nhà nghiên cứu “lượng hóa” chi tiết và “xếp hạng” sức mạnh và năng lực của một quốc gia. Bộ “Asia Power Index” của Viện Lowy, Ô-xtrây-li-a đưa ra 114 hạng mục đánh giá sức mạnh.⁶ Nếu một quốc gia đạt đa phần chỉ tiêu ở mức giữa trở lên thì có triển vọng gia nhập nhóm các cường quốc tầm trung.

Tuy nhiên cần lưu ý sức mạnh và khả năng chuyển hóa sức mạnh thành những năng lực cụ thể là hai vấn đề không đồng nhất.⁷ Sức mạnh

⁵ Gregory F. Treverton, Seth G. Jones, *Measuring National Power*, RAND (Washington, DC., 2005): 10.

⁶ Lowy Institute, *Asia Power Index 2018*, tại <https://power.lowyinstitute.org/>, truy cập ngày 12/6/2018.

⁷ Ashley J. Tellis et al., *Measuring National Power in the Postindustrial Age: Analyst’s Handbook* (Santa Monica: RAND, 2000): 5.

của một quốc gia không phải là khái niệm chỉ có ý nghĩa tuyệt đối mà còn là tương đối, tùy thuộc vào tương quan so sánh với các quốc gia khác trong từng hoàn cảnh cụ thể. Vai trò của “tốt” và “xe” đã được nói tới trong bài thơ “Đánh cờ” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong trường hợp giả định bị tấn công, Iran, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (CHDCND Triều Tiên) có thể chọn “chiến lược bất đối xứng”, phản công bằng tác chiến điện tử nhằm vào hạ tầng và hệ điều hành mạng thiết yếu của đối thủ, tránh đối phó tổng lực.

Về hành vi, theo Cooper, Higgott và Nossal, một nước được xem là cường quốc tầm trung hay không chủ yếu tùy thuộc vào cách thức ứng xử ngoại giao. Theo đó, nước tầm trung có xu hướng coi trọng các dàn xếp đa phương và tích cực can dự vào các giải pháp quốc tế đối với những vấn đề chung.⁸

Ứng xử ngoại giao của cường quốc tầm trung cần được xem xét trong bối cảnh cụ thể, tức là vai trò quan trọng của nhóm nước này không phải tự nhiên có mà phải qua nỗ lực khẳng định mình. Các nước lớn hơn, nhất là siêu cường, không phải lúc nào cũng thừa nhận vai trò của nước thấp hơn trên thứ bậc quyền lực. Ví dụ, các chính quyền Mỹ gần đây vẫn chưa xem Thổ Nhĩ Kỳ, một cường quốc khu vực, đóng vai trò tương xứng trong chiến lược Trung Đông.⁹ Sự lấn lướt, thậm chí “cướp cờ” của các siêu cường là xu hướng tự nhiên và là “quy luật”. Đơn cử, là thành viên sáng lập APEC nhưng về sau Ô-xtrây-li-a, một nước tầm trung, phải “nhường” vị thế dẫn dắt cho Mỹ và những nước lớn hơn.

⁸ A. F. Cooper, R. A. Higgott and K. R. Nossal, *Relocating Middle Powers: Australia and Canada in a Changing World Order* (Vancouver: University of British Columbia Press, 1993).

⁹ Stephen Kinzer, “America and the rise of middle powers”, *The Guardian*, 01/11/2011, tại <https://www.theguardian.com/commentisfree/cifamerica/2011/jan/10/usa-usforeignpolicy>, truy cập ngày 4/5/2018.

Nước tầm trung thường tích cực về ngoại giao, tham gia giải quyết vấn đề chung chứ không chỉ bó hẹp mức độ quan tâm đối với những vấn đề sát sườn, trực tiếp. Không can dự vào mọi cuộc xung đột quốc tế nhưng nước tầm trung thường có chính kiến hoặc tham gia trên thực tế với tần suất cao hơn những nước có nhiều đặc điểm tương đồng (ví dụ có mức thu nhập như nhau) nhưng không thuộc nhóm tầm trung. Một khía cạnh liên quan khác, nước tầm trung có xu hướng tìm cách giảm thiểu xung đột bằng cách phối hợp với những quốc gia cùng quan điểm trong vấn đề đó, thông qua các dàn xếp và thể chế đa phương.¹⁰

Cường quốc tầm trung đề cao nhân tố ổn định (stabilizers) và ủng hộ tính hợp pháp của hệ thống quốc tế hiện hành (legitimizers). Ưu tiên mục tiêu ổn định bắt nguồn từ lý do năng lực. Nếu xảy ra một tình huống bất ổn ở cấp độ hệ thống, nước tầm trung sẽ gặp nhiều khó khăn và không loại trừ khả năng không thể tự bảo vệ lợi ích của mình. Bên cạnh đó, nước tầm trung dù truyền thống hay mới nổi đều được hưởng lợi từ hệ thống hiện hành vì vậy không có lý do gì để thách thức thay đổi hệ thống. Nước tầm trung ủng hộ thay đổi *trong* hệ thống chứ không phải *toàn* hệ thống.¹¹

Hiếm khi thách thức hay phối hợp hành động nhằm làm thay đổi nguyên trạng toàn cầu, nước tầm trung thiên về ủng hộ giữ cân bằng quyền lực ở cấp độ hệ thống. Chính vì lý do này, một số nước tuy có thể có khả năng tác động vào hệ thống nhưng không được xếp vào nhóm cường quốc tầm trung như Pa-ki-xtan (có thể sở hữu vũ khí hạt nhân) hay Xi-ri (bị cáo buộc sở hữu và sử dụng vũ khí hóa học). Một số học giả phương Tây bổ sung yếu tố dân chủ như một tiêu chí nhận diện nước tầm

¹⁰ K. R. Nossal and R. Stubbs, ‘Mahathir’s Malaysia: An Emerging Middle Power?’, in Cooper (ed.) (1997), *lđđ.*: 149-51.

¹¹ Eduard Jordaan, The Concept of a Middle Power in International Relations: Distinguishing between Emerging and Traditional Middle Powers, *Politikon: South African Journal of Political Studies*, 30 (1) (2003): 165-181.

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

trung với lập luận cho rằng các nền dân chủ thường ít khi gây xung đột với nhau.¹² Với tiêu chí đó, các học giả này không xếp Triều Tiên, Cu-ba và một số nước Trung Cận Đông vào nhóm nước tầm trung.¹³

Nước tầm trung đặc biệt coi trọng luật pháp quốc tế, xem đây như công cụ mấu chốt để xác định và bảo đảm lợi ích quốc gia.¹⁴ Trường hợp luật pháp quốc tế không giúp đáp ứng đầy đủ mục tiêu này, nước tầm trung ưu tiên xây dựng các bộ quy tắc ứng xử được các bên, trong đó có các nước lớn, chấp nhận.¹⁵ Tuy coi trọng luật pháp, nhưng nước tầm trung cũng có cách tiếp cận thực tế (quản trị kỳ vọng) trong quá trình vận dụng, thể hiện ở việc chọn vụ việc, thời điểm, khía cạnh luật pháp trong đấu tranh, bảo vệ lợi ích quốc gia, nhất là khi liên quan đến các nước lớn.

Về bản sắc, giá trị, có ý kiến cho rằng phải chăng nước tầm trung là tất cả các quốc gia còn lại sau khi đã xác định được nhóm nước lớn và nhóm nước nhỏ. Rõ ràng theo tiêu chí cường quốc hay nước tầm trung, đây không phải là những nước “bình bình”, thiếu bản sắc, chỉ chủ trương “đĩ hòa vi quý”. Để phân biệt cường quốc tầm trung với các quốc gia còn lại, các nhà nghiên cứu thường dựa vào những đặc điểm sau:

Thứ nhất, cường quốc tầm trung coi trọng vai trò của ngoại giao.

Thứ hai, cường quốc tầm trung ủng hộ cách tiếp cận đa phương, vận động các nước có cùng ý kiến, coi trọng luật pháp quốc tế, nguyên tắc

¹² Xem thêm Alex Mintz and Nehemia Geva, “Why Don't Democracies Fight Each Other? An Experimental Study”, *The Journal of Conflict Resolution*, Vol. 37, No. 3 (Sep., 1993): 484-503.

¹³ Xem thêm Ish-Shalom, Piki., *Democratic Peace: A Political Biography* (Michigan: University of Michigan Press, 2013).

¹⁴ Xem thêm Ish-Shalom, Piki., *Democratic Peace: A Political Biography* (Michigan: University of Michigan Press, 2013).

¹⁵ Xem thêm R. W. Cox, *Approaches to World Order*, with Timothy Sinclair (Cambridge: University of Cambridge Press, 1996).

ứng xử, các giá trị có tính chuẩn tắc, phản đối chủ nghĩa áp đặt, đơn phương.

Thứ ba, tham gia nhiều vấn đề quốc tế nhưng cường quốc tầm trung thường chọn phong cách ngoại giao “biết mình, biết người”, lượng sức để chọn vấn đề, chọn thời điểm, chọn lập trường thận trọng. Bên cạnh vấn đề nguyên tắc, cường quốc tầm trung cũng linh hoạt xem xét các tình huống cụ thể trước khi ra quyết định, tức là có biên độ vận dụng nguyên tắc vào thực tiễn chứ không quá cứng nhắc, rập khuôn. Dĩ nhiên, nước nhỏ cũng chọn phong cách này nhưng điểm khác là nước tầm trung không thu mình và chọn lối “phòng thủ” tiêu cực, “trung lập tuyệt đối” như nước nhỏ.

Thứ tư, như đã nêu ở trên, cường quốc tầm trung không thách thức thay đổi nguyên trạng, không xét lại hay thay đổi triệt để hệ thống quốc tế nhưng ủng hộ cải tổ, cải cách trong hệ thống.

Về phân loại, theo học giả Eduard Jordaan, cường quốc tầm trung có thể được chia thành hai nhóm: nhóm các cường quốc tầm trung truyền thống và nhóm các cường quốc tầm trung mới nổi. Mặc dù có nhiều điểm chung nhưng hai nhóm này cũng có những khác biệt. Bảng sau sẽ làm nổi bật những khác biệt này:¹⁶

¹⁶ Eduard Jordaan, “The Concept of a Middle Power in International Relations: Distinguishing between Emerging and Traditional Middle Powers”, *Politikon: South African Journal of Political Studies*, 30 (1) (2003): 165-181.

| | Kinh tế | Xã hội | Chính trị | Ngoại giao | Ví dụ |
|--|---------------------------|-------------------------------|----------------|--|---|
| Cường quốc tầm trung truyền thống | Thu nhập cao | Coi trọng công bằng | Dân chủ xã hội | Ảnh hưởng khu vực thấp, không rõ xu hướng hội nhập khu vực, không cố gắng tạo bản sắc khác biệt với những nước lớn, dễ thỏa hiệp với những áp lực cải cách toàn cầu, coi trọng hệ thống kinh tế - chính trị toàn cầu | Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Na Uy, Thụy Điển |
| Cường quốc tầm trung mới nổi | Thu nhập trung bình - cao | Chấp nhận công bằng tương đối | Dân chủ hóa | Muốn có ảnh hưởng khu vực, hội nhập khu vực mạnh mẽ, tạo lập bản sắc khác biệt với những nước yếu hơn, cải cách nhưng không cải tổ triệt để hệ thống toàn cầu, coi trọng kinh tế - chính trị khu vực | Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Ni-giê-ri-a, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ |

Như vậy, dù là cường quốc truyền thống hay mới nổi, hay theo cách tiếp cận nào, tiêu chí cường quốc tầm trung thường đều bao hàm cả yếu tố đối nội và đối ngoại, chỉ mức độ phát triển nhất định về kinh tế và trình độ tổ chức sắp xếp nhà nước, xã hội ở bên trong cũng như vai trò vị thế ngoại giao ở bên ngoài. Xét tầm mức ảnh hưởng, nước tầm trung không bằng các siêu cường nhưng nhỉnh hơn những nước còn lại. Tóm lại, các tiêu chí cơ bản để đánh giá một quốc gia có là cường quốc tầm trung hay không bao gồm thứ bậc sức mạnh, năng lực, hành vi ngoại giao, mức độ ảnh hưởng và bản sắc trong hệ thống quốc tế.

Liên hệ thực tiễn

Những cường quốc tầm trung được nêu trong những trường hợp nghiên cứu điển hình gần đây gồm có Ấn Độ, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, Thụy Điển, Hàn Quốc, Bra-xin, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam. Trong khu vực thì Hàn Quốc và Ô-xtrây-li-a là hai nước được cả giới hoạch định chính sách và học giả đề cập nhiều nhất.¹⁷

Do đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu như của học giả Shin Dongmin về trường hợp Hàn Quốc, Gareth Evans về trường hợp Ô-xtrây-li-a, Andrew Carr về trường hợp Ca-na-đa... và do khuôn khổ bài viết, phần này tập trung nêu dẫn chứng minh họa cho khung tiếp cận lý thuyết trên, nhất là với ba tiêu chí năng lực, hành vi và bản sắc.

Cường quốc tầm trung trong cán cân lực lượng toàn cầu

Để chứng minh thực lực của các cường quốc tầm trung, các nhà nghiên cứu thường viện đến nhóm G20, thành lập năm 1999 gồm 7 nước nhóm G7, 13 thành viên khác là Ác-hen-ti-na, Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Mê-hi-cô, Nga, Ả-rập Xê-út, Nam Phi, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Liên minh châu Âu. Sự ra đời của nhóm G20 có thể được xem như một ví dụ “sinh động nhất” về sự thay đổi trong cán cân quyền lực toàn cầu.¹⁸ Với G20, từ nay các nước tầm trung có thể có tác động đáng kể vào quá trình xây dựng nghị trình hay tập hợp lực lượng, quá trình này không còn là sản phẩm “độc quyền” của các nước lớn. Trước đó, trong những năm 1980 của thế kỷ trước, Ô-xtrây-li-a đã đóng vai trò điều hòa quan hệ thương mại giữa Mỹ và EU,

¹⁷ Xem thêm Yilmaz, Suhnaz, “Middle Powers and Regional Powers”, *Oxford Bibliographies*, 27/9/2017, <http://www.oxfordbibliographies.com/view/document/obo-9780199743292/obo-9780199743292-0222.xml>, truy cập ngày 3/5/2018.

¹⁸ Christian Downie, “Strategies for Middle Powers”, *Australian Outlook* (9/6/2017), <http://www.internationalaffairs.org.au/australianoutlook/strategies-for-middle-powers/>, truy cập ngày 23/4/2018.

giữa Mỹ và Nhật Bản với việc ủng hộ việc xây dựng một hệ thống thương mại tự do đa phương dựa trên các nguyên tắc chung. Nhiều ý kiến cho rằng G20 chính là kết quả tổng hòa của G7 - nhóm 7 nền công nghiệp phát triển hàng đầu và G77 - nhóm các nước đang phát triển. Sau khi ra đời, G20 đã đạt những thỏa thuận quan trọng để điều chỉnh nội dung và quy cách hợp tác cho nhiều định chế tài chính quốc tế, phản ánh được lợi ích của cả nhóm nước nghèo và nhóm nước giàu.¹⁹

Nếu cộng lại, bốn nước tầm trung gồm Nhật Bản, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Ô-xtrây-li-a sẽ có dân số là 1,64 tỷ người, GPD 9,13 nghìn tỷ USD và chi tiêu quốc phòng khoảng 123 tỷ USD; so sánh với Mỹ là 316 triệu dân, GPD 16,78 nghìn tỷ USD và chi tiêu quốc phòng 640,21 tỷ USD; Trung Quốc là 1,36 tỷ dân, GPD 9,18 tỷ USD và chi tiêu quốc phòng khoảng 188,64 tỷ USD.²⁰ Như vậy, từ góc độ năng lực, trong nhiều tình huống, các siêu cường vẫn phải cần đến vai trò của một nước hoặc nhóm nước tầm trung để xử lý các vấn đề khu vực. Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton từng nêu với Ngoại trưởng In-đô-nê-xi-a Marty Natalegawa đề nghị Jakarta đóng vai trò “lãnh đạo” trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông.²¹ Ngoại trưởng Marty sau đó giải thích “lãnh đạo” ở đây không có nghĩa là lấn sân lợi ích vai trò của nước khác mà là nỗ lực dẫn dắt để tránh tình huống quá thiên vị bên tranh chấp nào. Phía Mỹ cũng hiểu là In-đô-nê-xi-a sẽ cố gắng đóng vai trò tích cực hơn, hợp tác chặt chẽ hơn với Mỹ nhưng không phải là “quốc gia ủy nhiệm” (proxy) của Mỹ tại khu vực. Mỹ chọn In-đô-nê-xi-a vì cho rằng đây là nước tầm

¹⁹ “The Group of 20: The premier forum for international economic cooperation”, tại <http://www.canadainternational.gc.ca>, 27/8/2013, truy cập ngày 2/5/2018.

²⁰ Tổng hợp từ các nguồn của Bộ Ngoại giao Ô-xtrây-li-a và Stockholm International Peace Research Institute.

²¹ Bruce Gilley, “The rise of the middle powers”, *The New York Times*, 10/9/2012, tại <https://www.nytimes.com/2012/09/11/opinion/the-rise-of-the-middle-powers.html>, truy cập ngày 3/5/2018.

trung, có quan điểm “thận trọng”, “cân bằng”, không liên quan trực tiếp đến tranh chấp và có năng lực ngoại giao.²²

Thực tế cũng cho thấy siêu cường và nước lớn có thể thiết lập nên các định chế quốc tế, dẫn dắt các tiến trình hợp tác. Nhưng các định chế đó khó có thể vận hành lâu dài nếu không có vai trò tham gia tích cực của các nước tầm trung. Trong quá trình xây dựng cấu trúc an ninh khu vực, các cường quốc tầm trung và ASEAN (trong vai một thực thể tầm trung, quy mô kinh tế hiện đứng thứ 7 và dự báo đứng thứ 4 thế giới vào 2050), là những nhân tố đáng kể. Vai trò đó được thể hiện qua nỗ lực dàn xếp, điều hòa lợi ích của ASEAN ở vai trò trung tâm với tất cả các nước còn lại, kể cả các nước lớn. Từ phía các nước lớn, với mục tiêu “chia sẻ trách nhiệm”, tranh thủ các nước, trong đó có các nước tầm trung, Chính quyền Trump hiện nay đang đề nghị nhiều “đồng minh” và “đối tác” trong khu vực phải thể hiện vai trò nhiều hơn, đóng góp nhiều hơn. Trung Quốc cũng tỏ rõ nhu cầu tìm kiếm đối tác triển khai và phối hợp đối với sáng kiến “Vành đai Con đường”. Cả hai sáng kiến này sẽ khó tiến xa nếu không có sự tham gia hưởng ứng của các nước, nhất là các nước tầm trung và ASEAN.

Để minh họa rõ thêm vai trò, ảnh hưởng của nước tầm trung châu Á trong bối cảnh địa chính trị gần đây, học giả Chietigj Bajpae nê ba ví dụ: (i) mặc dù là bên thắng kiện, Phi-líp-pin bất ngờ không còn mặn mà thực thi phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực về yêu sách của Trung Quốc tại Biển Đông, khiến quá trình pháp lý này bị chững lại nghiêm trọng; (ii) tuy bị áp lực từ Trung Quốc, CHDCND Triều Tiên và phần nào đó từ nhiều nhóm nội bộ, Hàn Quốc vẫn quyết định triển khai hệ thống THAAD; (iii) In-đô-nê-xi-a chuyển mạnh theo hướng ưu tiên an ninh biển trong chiến lược quốc phòng. Theo học giả này, so với thời kỳ Chiến tranh Lạnh, nước tầm trung trong giai đoạn hiện nay độc lập và có nhiều không

²² Bruce Gilley, *tlđđ*.

gian hành động hơn.²³ Bajpae cũng cho rằng Việt Nam nằm trong số những “nước tạo động lực thay đổi chiến lược” tại châu Á.²⁴

Hành vi phổ biến của cường quốc tầm trung

Cường quốc tầm trung thường cố gắng đóng vai trò cầu nối giữa những nước giàu có hơn, tiềm lực mạnh hơn với những nước nghèo và yếu hơn. Ví dụ Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a và Hàn Quốc đã đóng vai trò xúc tác kết nối nhằm tăng cường hợp tác Bắc - Nam, giữa các nước kém phát triển với G20, G7/8 hay nhóm BRICS.²⁵

Vai trò kết nối, điều hòa của nước tầm trung càng quan trọng hơn trong bối cảnh có sự thay đổi cán cân lực lượng toàn cầu như phân tích ở trên. Trong khi đó, các thể chế quốc tế hiện hành do nhiều nước lớn chi phối thường chậm thích ứng với sự thay đổi này. Ví dụ, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Nguyên tử năng lượng Quốc tế (IAEA) chưa phản ánh được vai trò của những nước mới nổi, nước tầm trung trong cơ chế quản trị, thành viên và bỏ phiếu.²⁶ Một trong những hệ quả của việc không hoặc chậm cải cách những thể chế hiện hành là nước mới nổi có thể đứng ra lập những thể chế mới. Ví dụ Trung Quốc lập Ngân hàng Đầu tư Hạ tầng châu Á (AIIB) bên cạnh Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Xuất phát từ nhu cầu duy trì trật tự hiện hành, nước tầm trung sẽ bất lợi trong trường hợp những thể chế mới này đặt tiêu chuẩn thấp hơn ví dụ trong tiêu chí môi trường hoặc cạnh tranh mang tính loại trừ với những thể chế hiện hành.²⁷

²³ Chietigj Bajpae, “Have Asia’s Middle Powers Come of Age?”, *The Diplomat* (7/10/2016), <https://thediplomat.com/2016/10/have-asias-middle-powers-comes-of-age/>, truy cập ngày 23/4/2018.

²⁴ Chietigj Bajpae (2016), *tlđđ*.

²⁵ Xem thêm Jongryn, Mo (ed), *Middle Powers and G20 Governance* (New York: Asan-Palgrave Macmillan Series, 2012).

²⁶ Christian Downie (2017), *tlđđ*.

²⁷ Christian Downie (2017), *tlđđ*.

Về lập trường trên một số vấn đề cụ thể, cường quốc tầm trung có xu hướng ủng hộ cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, duy trì sự ổn định của trật tự kinh tế quốc tế, giảm nợ liên chính phủ và cấm mìn sát thương... - là các vấn đề thuận hoặc ít nhất không đụng chạm đến lợi ích sống còn của các siêu cường. Năm 1998, tám tổ chức phi chính phủ đã hợp sức lập ra “Sáng kiến Cường quốc tầm trung” để tranh thủ vai trò của các cường quốc tầm trung trong nỗ lực cấm phổ biến hạt nhân. Theo các tổ chức này, cường quốc tầm trung là “quốc gia có vai trò kinh tế, chính trị đáng kể, được quốc tế tôn trọng và phản đối chạy đua vũ trang hạt nhân”.²⁸

Xét trường hợp Hàn Quốc, khái niệm cường quốc tầm trung cung cấp khuôn khổ và quy tắc hướng dẫn quan trọng cho các hoạt động ngoại giao. Thông qua khái niệm này, các nhà hoạch định chính sách Hàn Quốc muốn tạo sự đột phá về lý luận, xác định mục tiêu, bản sắc và cách chơi mới trong các hoạt động ngoại giao trên cơ sở năng lực và lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, điều đáng tiếc là do có sự thay đổi chính phủ khá thường xuyên, Hàn Quốc đã không thực hiện được các nội dung này một cách nhất quán.²⁹ Với dàn xếp gần đây về vấn đề Triều Tiên, Hàn Quốc dưới thời Tổng thống Moon Jae-in đã thể hiện đúng các đặc điểm của một cường quốc tầm trung. Rõ ràng nếu không có sự chủ động của Hàn Quốc thì khó có sự thỏa hiệp cấp độ chiến lược giữa Mỹ và CHDCND Triều Tiên như thể hiện tại cuộc Thượng đỉnh Mỹ - Triều ngày 12/6/2018 tại Xinh-ga-po.

Nước tầm trung tích cực thể hiện quan điểm lập trường về nhiều vấn đề quốc tế, khu vực, nhất là về các điểm nóng như Biển Đông. Những nước này sẽ không chấp nhận giải pháp mà chỉ có các nước lớn dàn xếp với nhau. Đây cũng chính là nguyên nhân các nước ASEAN coi trọng các thỏa thuận, cơ chế đa phương, xây một trật tự dựa trên luật pháp, mở

²⁸ *Middle Power Initiative*, tại <http://www.middlepowers.org/>, truy cập ngày 25/4/2018.

²⁹ Sung-Mi Kim, “South Korea’s middle-power diplomacy: Changes and challenges”, *Research Paper* (London: Chatham House, 6/2016): 1-14.

dung nạp, trong đó ASEAN đóng vai trò trung tâm. Về hỗ trợ nâng cao năng lực, những nước tầm trung như Ấn Độ, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc đã có những đóng góp đáng kể cho các quốc gia ven biển trong khu vực.

Bản sắc và “định danh” nước tầm trung

Như đã phân tích ở trên, đặc điểm nhận diện rõ nhất là nước tầm trung đặc biệt coi trọng các giá trị hòa bình, đối thoại, tôn trọng luật pháp, dàn xếp, thỏa thuận và thể chế đa phương. Nếu so sánh, nước lớn được cho là có xu hướng tiếp cận chủ nghĩa đa phương với phương châm thực dụng và theo cách chọn lọc hơn. Ví dụ, dù không được Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc cho phép nhưng Mỹ vẫn tiến hành tấn công quân sự chống lại I-rắc (2003) và Xi-ri (2017, 2018). Trung Quốc chủ trương “ba không” với vụ Phi-líp-pin kiện ra Tòa Thường trực năm 2016 (không công nhận phiên Tòa, không đồng tình với kết luận của Tòa và không thực thi phán quyết của Tòa). Chủ nghĩa đơn phương chủ yếu là sản phẩm của nước lớn và thường không được nước tầm trung đồng tình.

Ở một thái cực khác, nước nhỏ thường thận trọng hơn nước tầm trung khi tiếp cận với các dàn xếp đa phương do lo ngại chủ quyền quốc gia bị ảnh hưởng và khả năng thực thi các cam kết bị hạn chế. Thống kê cho thấy những nước nhỏ như Va-nua-tu, Cô-xta Ri-ca, Ga-bông hầu như không tham gia các thể chế đa phương. Dĩ nhiên có ngoại lệ, ví dụ Xinh-ga-po hay Áo, là những nước nhỏ về diện tích và dân số nhưng rất năng động. Một ví dụ khác là Va-ti-căng, quốc gia chỉ 44km² nhưng có ảnh hưởng lớn đối với nhiều quốc gia và hơn 1 tỷ tín đồ Thiên chúa giáo trên thế giới. Nước tầm trung nhìn chung coi trọng đa phương, Liên Hợp Quốc nhưng vẫn có cá biệt do tính toán lợi ích đặc thù. Thổ Nhĩ Kỳ đã vận dụng điều 51 của Hiến chương Liên Hợp Quốc một cách đầy tranh cãi để thực hiện chiến dịch quân sự “Cành Ô-liu” trên lãnh thổ Xi-ri (2018).

Trong quá trình khảo sát thực tiễn về các cường quốc tầm trung, nhiều nhà nghiên cứu nêu thêm hai điểm cần lưu ý như sau:³⁰

Thứ nhất, về mặt tên gọi, khái niệm cường quốc tầm trung không mang tính chính thức và có giá trị pháp lý. Trong văn bản chính thức như Hiến chương Liên Hợp Quốc, Trung Quốc, Mỹ không phải là siêu cường (mặc dù là thành viên P5), Nhật Bản không phải là nước lớn (tuy là nền kinh tế lớn thứ ba thế giới), Lào không phải là nước nhỏ (tuy được định danh như nước đang phát triển quy mô khiêm tốn). Hầu hết học giả Hàn Quốc đều không muốn sử dụng khái niệm này một cách chính thức mà chỉ nêu như một khuôn khổ bán chính thức, nội bộ để giúp hình dung khuôn khổ các hoạt động ngoại giao. Trong ngoại giao, cách gọi “cường quốc tầm trung” nhạy cảm hơn so với các khái niệm “nước tầm trung” hay “quốc gia tầm trung”. Về mặt chuẩn tắc, tất cả các quốc gia đều bình đẳng trước pháp luật quốc tế. Phân loại theo thang bậc sức mạnh là cách hiểu thực chất đằng sau hiện tượng, không phải là chính thức định danh. Nước nhỏ, tầm trung hay lớn chủ yếu nhằm định vị mục tiêu, hướng phấn đấu và chọn cách thức ứng xử ngoại giao phù hợp. Tự ti dân tộc, tự nhận là nước nhược tiểu, hay xung bá, chủ nghĩa sô-vanh đều là những thái cực cần tránh.

Thứ hai, thực tiễn luôn sinh động hơn mọi lý thuyết. Ví dụ các lý thuyết trên chưa tính đến vai trò của các chủ thể phi nhà nước trong hệ thống quốc tế trên cả ba khía cạnh năng lực, hành vi và bản sắc. Một thực tế là không ít trường hợp một tổ chức, thậm chí một cá nhân, có thể tạo tác động lên hệ thống quốc tế với mức độ lớn hơn cả một quốc gia. Ví dụ Bin Laden và tổ chức Al-Qaeda đã làm thay đổi nghiêm trọng chiều hướng chiến lược của Mỹ không lâu sau khi Tổng thống George

³⁰ Xem thêm Shin Dong-min, “A Critical Review of the Concept of Middle Power”, *E-International Relations*, tại <http://www.css.ethz.ch/en/services/digital-library/articles/article.html/2f07d75f-3753-4a0c-8bbb-f071c33850c7/pdf>, truy cập ngày 20/6/2018.

W. Bush lên cầm quyền. Nhiều công ty đa quốc gia có doanh số lớn hơn GDP của nhiều nước. Trong 100 thực thể giàu có nhất thế giới hiện nay thì có đến 69 thực thể là các công ty, chỉ có 31 thực thể là các quốc gia. Tốp 10 công ty lớn nhất thế giới có tổng doanh số lớn hơn GDP của Trung Quốc. Chuỗi cửa hàng Walmart giàu hơn Tây Ban Nha, Ô-x-trây-li-a và Hà Lan. Ba công ty Shell, Apple và Walmart có tài sản lớn hơn 180 quốc gia khác trên thế giới cộng lại.³¹ Theo Global Justice Now, tổ chức chuyên theo dõi các vấn đề phương Nam có trụ sở tại Anh, xu hướng các công ty chiếm số đông trong bảng so sánh tài sản vẫn đang tiếp tục diễn ra.

Vấn đề đặt ra và khuyến nghị cho ngoại giao Việt Nam sau 2030

Vì sao mốc 2030?

Về lý thuyết, tư duy theo kế hoạch (ví dụ kế hoạch 5 năm hay 10 năm) có ưu điểm là xác định được mục tiêu và lộ trình thực hiện rõ ràng. Định lượng và đặt mốc sẽ làm cơ sở cho việc xác định mức độ quyết tâm và giữ nhịp triển khai thực hiện cho các cơ quan, tổ chức dễ dàng hơn. Từ mục tiêu và lộ trình sẽ đánh giá được mức độ hoàn thành công việc. Nhược điểm của phương pháp này là đôi lúc không đủ linh hoạt để phản ánh sự thay đổi của tình hình. Ví dụ, nếu xảy ra khủng hoảng khu vực hay thế giới, các mục tiêu kinh tế quốc gia sẽ khó đạt hơn. Ngược lại, nếu các nhân tố thuận xuất hiện, ví dụ ký kết được các hiệp định thương mại sớm hơn so với kỳ vọng ban đầu thì lộ trình và mục tiêu kinh tế lúc đó cần được điều chỉnh theo hướng mạnh bạo hơn. Như vậy, phương

³¹ “Ten Largest Corporations Have More Wealth Than Most Nations Combined” (2016), <https://www.marketslant.com/articles/top-10-corps-have-bigger-gdp-most-countries>, truy cập ngày 4/4/2018.

pháp đặt kế hoạch sẽ phát huy hiệu quả nếu đi kèm bộ công cụ điều tiết linh hoạt tùy theo diễn biến của tình hình.³²

Trên thực tế việc đặt mục tiêu mà không có mốc thời gian quá cụ thể là quy trình hoạch định khá phổ biến. Ví dụ, Trung Quốc đặt mục tiêu trở thành siêu cường không gian mạng với thời hạn “lông” là trong vòng 10 năm tới. Tổng thống Mỹ Trump tuyên bố sẽ làm “nước Mỹ vĩ đại trở lại”, hàm ý sẽ thực hiện điều này trong nhiệm kỳ của mình nhưng không nói rõ năm nào để tạo lối thoát chính trị khi cần thiết.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc đặt các mục tiêu từ ngắn đến trung hạn cũng khá phổ biến. Ma-lai-xi-a xác định trở thành quốc gia phát triển về kinh tế vào 2020 do đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người gần 10.000 USD (2016). Theo quy ước của Ngân hàng Thế giới, mức thu nhập 12.200 USD trở lên là mức thu nhập cao. Nếu tính ngang giá sức mua (PPP), năm 2016, Ma-lai-xi-a đã đạt mức thu nhập gần tương đương với Bồ Đào Nha, Hy Lạp, trên Chi-lê, Ác-hen-ti-a và Thổ Nhĩ Kỳ.³³ Một ví dụ khác, với mức tăng khoảng 43%/năm hiện nay, Việt Nam và Hàn Quốc dễ dàng nhất trí nêu mục tiêu đưa kim ngạch thương mại hai chiều lên mốc 100 tỷ USD vào năm 2020 từ mốc 60 tỷ USD hiện nay.³⁴

Thực tiễn của Việt Nam cho thấy Đại hội Đảng 12 năm 2016 không còn lấy mốc 2020 thành nước công nghiệp hiện đại, thay vì đó chỉ nêu “sớm” đạt mục tiêu này. Nhưng Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đã chọn mốc năm 2030 và xác định tầm nhìn đến năm 2045.

³² Ví dụ như thông quan công cụ điều tiết lãi suất ngân hàng để tác động vào tốc độ tăng trưởng kinh tế.

³³ Số liệu Ngân hàng Thế giới 2016.

³⁴ “Thương mại Việt - Hàn hướng tới mốc 100 tỷ USD vào năm 2020”, <http://vneconomy.vn/thuong-mai-viet-han-huong-toi-moc-100-ty-usd-nam-2020-20171221160354689.htm>, truy cập ngày 4/4/2018.

Vào tháng 9 /2015, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và các mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Chương trình Nghị sự 2030 bao gồm 17 mục tiêu để chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và bảo đảm sự thịnh vượng. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm điều phối, giám sát và báo cáo Chương trình nghị sự 2030 cho Việt Nam, tham vấn, soạn thảo Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (NAP) trước đó đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bộ Ngoại giao chủ trì xây dựng nhiều văn bản quan trọng chọn mốc 2030 như Chiến lược tổng thể hội nhập đến 2020, tầm nhìn 2030, Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030...

Từ nay đến mốc 2030 là khoảng thời gian trung hạn, phù hợp với các hoạch định chiến lược, không quá xa và quá khó cho việc đặt ra mục tiêu hợp lý.

Vì sao Việt Nam có thể là cường quốc tầm trung?

Như đã nêu trên, ba tiêu chí quan trọng hàng đầu để đánh giá một quốc gia có nằm trong nhóm cường quốc tầm trung hay không là: sức mạnh - năng lực quốc gia, hành vi/lối ứng xử - ảnh hưởng quốc tế và bản sắc quốc gia. Trường hợp Việt Nam cho thấy:

Về sức mạnh - năng lực

Nhiều dự báo cho rằng Việt Nam có thể vào top 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới sau năm 2030. Ví dụ theo PWC, đến năm 2030, Việt Nam có thể đứng thứ 29 trong bảng xếp hạng các nền kinh tế, vượt Hà Lan, và đến năm 2050, còn có thể nâng lên vị trí thứ 20, vượt Ca-na-đa và I-ta-li-a. Việt Nam đứng thứ 13 trong bảng xếp hạng tổng thể năng lực quốc gia châu Á năm 2018 của Viện Lowy.³⁵

³⁵ Lowy Institute, *Asia Power Index 2018*, tại <https://power.lowyinstitute.org/>, truy cập ngày 12/6/2018.

Với dân số đứng thứ 14, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030, cả nước duy trì vững chắc mức sinh thay thế, hướng tới quy mô dân số khoảng 104 triệu người. Việt Nam đang ở giai đoạn sau của dân số vàng (40% dân số có độ tuổi từ 10-24, sẽ tham gia vào lực lượng lao động vào 2030, có nhiều lợi thế về sáng tạo). Khoảng thời gian này có thể kéo dài nếu thực hiện được tỷ lệ tăng dân số phù hợp. Dân số không chỉ thể hiện quy mô thị trường, nguồn nhân lực mà còn được nhìn nhận ở khía cạnh “dân giàu, nước mạnh”. Tổ chức Tư vấn Boston dự báo sau năm 2020 tầng lớp trung lưu ở Việt Nam sẽ tăng gấp đôi về số lượng.³⁶ Nếu theo đà này, đến năm 2030, nhiều khả năng một nửa dân số Việt Nam sẽ thuộc tầng lớp trung lưu.

Từ năm 2012 đến nay, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn ổn định, phục hồi và phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng từ 5,25% năm 2012 lên 6,81% năm 2017, nằm trong top những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Á. Trong khi đó, chỉ số giá tiêu dùng đã giảm từ 18,13% năm 2011 xuống còn 6,81% năm 2012 và 2,6% năm 2017 (3,53% theo cách tính bình quân).³⁷ Cùng với sự ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh Việt Nam đang được cải thiện rõ rệt với kết quả xếp hạng môi trường kinh doanh tăng 14 bậc, từ thứ 82 lên thứ 68/190; năng lực cạnh tranh tăng 5 bậc, từ thứ 60 lên thứ 55/137 quốc gia, vùng lãnh thổ; đánh giá triển vọng của hệ thống ngân hàng Việt Nam được nâng lên, từ “ổn định” lên “tích cực”.³⁸ Thương mại tự do đã góp phần đưa kim

³⁶ AmCham, “Viet Nam’s middle class set to double by 2020: BCG”, tại <http://www.amchamvietnam.com/vietnams-middle-class-set-to-double-by-2020-bcg/>, truy cập ngày 22/6/2018.

³⁷ “Bài viết của Thủ tướng về tình hình kinh tế vĩ mô”, *Trang tin Điện tử Thủ tướng Chính phủ* (1/3/2018), <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Bai-viet-cua-Thu-tuong-ve-tinh-hinh-kinh-te-vi-mo/20183/27885.vgp>, truy cập ngày 21/6/2018.

³⁸ Sau Moody’s đến Fitch Ratings nâng hạng Việt Nam. Xem thêm: “Fitch nâng triển vọng tín nhiệm Việt Nam lên “tích cực”, *VnEconomy* (19/5/2017), tại <http://vneconomy.vn/tai-chinh/fitch-nang-trien-vong-tin-nhiem-viet-nam-len-tich-cuc-20170519102828827.htm>

ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam lên gần 425 tỷ USD trong năm 2017, gấp 4 lần so với 10 năm trước khi Việt Nam gia nhập WTO và Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế có độ mở lớn và thành công nhất trong việc tranh thủ các cơ hội, nhất là từ các Hiệp định FTA thế hệ mới.³⁹ Đối với cuộc cách mạng Khoa học Công nghệ 4.0 và các loại hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, tuy còn nhiều thách thức, Việt Nam cũng có những chỉ dấu hứa hẹn nhưng nằm trong khu vực có tốc độ tăng trưởng Internet hàng đầu thế giới, thương mại điện tử Việt Nam những năm gần đây tăng 35%/năm, nhanh gấp 2,5 lần so với Nhật Bản.⁴⁰

Điều quan trọng là trong kinh tế, Việt Nam đã chứng tỏ ý thức muốn thoát thế “mắc kẹt trong quá trình chuyển đổi” hay bẫy thu nhập trung bình bằng cách đẩy mạnh cải cách mô hình, tranh thủ lợi thế của quá trình chuyển dịch trọng tâm kinh tế thế giới từ Tây sang Đông và Bắc xuống Nam.⁴¹

Bên cạnh các thành tố “cứng” như kinh tế và quân sự (có đánh giá là trong top 20 quân đội mạnh của thế giới),⁴² chỉ số sáng tạo cũng là một cơ sở quan trọng hàng đầu giúp đánh giá năng lực quốc gia, nhất là trong bối cảnh của cuộc cách mạng khoa học 4.0 đang diễn ra hiện nay. Số

³⁹ Xem thêm “TPP 11: How Asia took the lead in free trade”, *Nikkei Asian Review* (3/7/2018), tại <https://asia.nikkei.com/Spotlight/Cover-Story/TPP-11-How-Asia-took-the-lead-in-free-trade>, truy cập ngày 22/6/2018.

⁴⁰ “Viet Nam’s e-commerce market booming”, *Viet Nam News*, <https://vietnamnews.vn/economy/419533/viet-nams-e-commerce-market-booming.html#VK0LoT36epcKc7xG.97>, truy cập ngày 22/6/2018.

⁴¹ Xem thêm Trương Bá Thanh, Bùi Quang Bình, “Một số giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, *Tap chí Cộng sản* (25/10/2016), tại <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/kinh-te/2016/41643/Mot-so-giai-phap-doi-moi-mo-hinh-tang-truong-kinh-te.aspx>, truy cập ngày 22/6/2018.

⁴² Xem thêm <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.asp>, truy cập ngày 12/6/2018.

công trình khoa học công bố trên các tạp chí ISI của Việt Nam trong 5-6 năm vừa qua tăng 20%. Mặc dù còn khiêm tốn và xuất phát điểm không cao, song bằng sáng chế được cấp ở Việt Nam trong 5 năm gần đây tăng 60%. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2017 (Global Innovation Index 2017, là GII 2017) do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) kết hợp với Trường ĐH Cornell (Hoa Kỳ) và Học viện Kinh doanh INSEAD (Pháp) thực hiện, Việt Nam đã thăng hạng khá ấn tượng, từ vị trí 59/128 lên 47/127 nước và nền kinh tế (tăng 12 bậc). Đây là thứ hạng cao nhất Việt Nam từng đạt được từ trước đến nay. Việt Nam còn đứng vị trí số 1 về chỉ số GII 2017 trong số các nước có thu nhập trung bình thấp. Chính vì tiềm năng sáng tạo, gần đây ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài chọn Việt Nam làm quốc gia khởi nghiệp về công nghệ, ví dụ như dự án của Alt Inc nhằm xây dựng trung tâm phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) lớn nhất châu Á tại Việt Nam.⁴³ Tuy còn nhiều thách thức, nhiều dự án khởi nghiệp (startup) của Việt Nam được đánh giá ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

Tóm lại về năng lực, Việt Nam đã có những cơ sở nhất định để có thể hướng tới mục tiêu trở thành một cường quốc tầm trung sau 2030, trên phương diện kinh tế - thương mại, nguồn nhân lực, năng lực sáng tạo và sức mạnh tổng hợp.

Về hành vi/ứng xử ngoại giao - ảnh hưởng quốc tế

Việc đặt mục tiêu Việt Nam trở thành cường quốc tầm trung không có hàm ý là Việt Nam nhân mạnh yếu tố quyền lực/sức mạnh hay thứ bậc trong ứng xử ngoại giao. Năng lực quốc gia gắn liền với trách nhiệm. Trước hết, đó là trách nhiệm đối với các vấn đề chung như gìn giữ hòa

⁴³ “Alt Inc xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Trí tuệ nhân tạo lớn nhất châu Á tại Việt Nam”, *ICT News* (22/10/2016), tại <http://ictnews.vn/cntt/phan-mem/alt-inc-xay-dung-trung-tam-nghien-cuu-tri-tue-nhan-cao-lon-nhat-chau-a-tai-viet-nam-144827.ict>, truy cập ngày 22/6/2018.

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

binh, bảo vệ môi trường, chống khủng bố, phòng chống thiên tai dịch bệnh. Trách nhiệm còn thể hiện qua vai trò và đóng góp tại các tổ chức quốc tế và khu vực. Việt Nam là thành viên tích cực, chủ động trong ASEAN, sẵn sàng đảm nhiệm các vị trí tại các tổ chức khác nhau thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc. Việt Nam có thể điều chỉnh lại các chương trình hợp tác trong khuôn khổ CLV theo hướng đóng góp nhiều hơn. Về kinh tế, thực hiện thành công Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG), Việt Nam có thể xoay chuyển vị thế từ quốc gia nhận viện trợ phát triển từng bước tiến lên vị thế quốc gia hỗ trợ các quốc gia khác.

Bảng dưới đây cho thấy Việt Nam là quốc gia đặc biệt năng động trong ngoại giao đa phương, chỉ dấu quan trọng hàng đầu của nước tầm trung. Những ý thức đầu tiên của Việt Nam về ngoại giao đa phương thời hiện đại có thể đã xuất hiện từ lúc phải đối phó cùng lúc với các thế lực Nhật Bản, Pháp, Trung Quốc (Quốc dân Đảng) giai đoạn cách mạng tháng 8/1945 và sau đó. Các cuộc hòa đàm Giơ-ne-vơ (1954), Pa-ri (1968-1973) chắc chắn đã đem lại nhiều kinh nghiệm ngoại giao quý báu cho Việt Nam, cả mặt được và những bài học. Việt Nam đã sớm đề nghị được trở thành thành viên Liên Hợp Quốc không lâu sau khi tổ chức này ra đời năm 1945.⁴⁴ Tiếp đến là quá trình đàm phán Pa-ri về vấn đề Cam-pu-chia, kết thúc vào năm 1991.

⁴⁴ Xem thêm Lê Hoài Trung (chủ biên), *Đối ngoại đa phương Việt Nam trong thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế* (Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2017); Tô Anh Tuấn, “Chặng đường dài Việt Nam đi đến Liên Hợp Quốc 1945-1977,” *Nghiên cứu Quốc tế*, 1 (112) (3/2018).

Ngoại giao Đa phương Việt Nam⁴⁵

| | |
|---|--|
| Thành viên | Liên Hợp Quốc, WTO, APEC, ASEM, Cộng đồng ASEAN, Phong trào Không liên kết, Khối Pháp ngữ, sáng lập AIIB,... |
| Thành viên theo nhiệm kỳ | Không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2008-2009); Hội đồng Thống đốc IAEA (nhiều lần); Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2014-2016 (nhiều lần tham gia các cơ chế trước đó); Hội đồng Kinh tế - Xã hội (ECOSOC) 2016-2018, Ủy ban Di sản Thế giới 2013-2017; Hội đồng Chấp hành UNESCO 2015-2019; đang ứng cử Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc 2020-2021... |
| Chủ trì luân phiên, đột xuất | Cấp cao Francophonie (1997), Chủ tịch ASEAN 7 (1998), ASEM V (2004), APEC 14 (2006); ASEAN 15 (2010); WEF Đông Á (2010); Hội thảo quốc tế Việt Nam - Châu Phi (2010); Diễn đàn Việt Nam - Mỹ Latin về Thương mại và Đầu tư (2012); IPU 32 (2015); APEC (2017), ASEAN 2020... |
| Hợp tác vùng, tiểu vùng | GMS, LMI, LMC, MRC, CLV... |
| Hợp tác ba bên | Việt Nam - Trung Đông Châu phi - đối tác thứ ba; thăm dò địa chấn Trung Quốc - Việt Nam - Phi-líp-pin |
| Thỏa thuận thương mại đa phương thế hệ mới | Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định FTA Việt Nam - EU (EVFTA)... Đã tham gia 14 và đang đàm phán 2 FTA, là trọng điểm FTA của khu vực với mạng lưới gồm 58 đối tác, trong đó có năm nước thường trực Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc và chiếm trên 80% GDP toàn cầu. |
| Hội nhập an ninh | Tham gia Hoạt động gìn giữ Hòa bình Liên Hợp Quốc từ 2014; giải trừ quân bị, chống khủng bố, bày tỏ sẵn sàng đóng vai trò trung gian hòa giải (Triều Tiên); tham gia diễn đàn an ninh khu vực ARF, Shangri La, ADMM+... |

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

⁴⁵ Ở đây chỉ nêu các ví dụ nổi bật, chưa liệt kê hết hoạt động ngoại giao đa phương đa dạng và phong phú của Việt Nam

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

Sau khi khôi xã hội chủ nghĩa tan rã, Việt Nam tích cực tìm hướng đi đa phương mới. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN. Năm 1997, Việt Nam đăng cai chủ trì Hội nghị Pháp ngữ Thượng đỉnh lần thứ 7. Ba năm sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đảm nhận chức chủ tịch vào năm 1998. Sự trưởng thành của ngoại giao đa phương tiếp tục thể hiện qua việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, đảm nhiệm vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (HĐBA LHQ) giai đoạn 2007-2008, Chủ tịch ASEAN 2010, đăng cai APEC 2006, 2017, chủ trì GMS 2018. Việt Nam tiếp tục vận động để trở thành thành viên không thường trực HĐBA LHQ giai đoạn 2020-2021. Trong hai năm liên tiếp 2017-2018, Việt Nam được mời tham dự Hội nghị Thượng đỉnh G7 mở rộng.

Xen lẫn giữa các sáng kiến, hoạt động và sự kiện trên, Việt Nam còn thể hiện sự tích cực về giao lưu nghị viện (ví dụ AIPA), đối ngoại đảng (Đại hội Đảng cánh tả, phong trào công nhân thế giới), ngoại giao nhân dân (Diễn đàn Nhân dân ASEAN, các phong trào hòa bình, tiến bộ), ở các cấp trung ương, địa phương (Hiệp hội Đô thị châu Á), tổ chức (theo ngành nghề, hiệp hội) và doanh nghiệp (CEO Summit, Hội chợ, triển lãm).

Sự năng động và tích cực này cho thấy Việt Nam thực sự cam kết, coi trọng chủ nghĩa đa phương, liên kết nhiều chiều, nhiều tầng nấc, nhiều lĩnh vực, qua đó vừa thực hiện lợi ích quốc gia, vừa thể hiện vai trò, đóng góp cho lợi ích chung. Cụ thể, Việt Nam đã đóng vai trò: (i) *xúc tác* (ví dụ kết nạp Cam-pu-chia vào ASEAN, kết nạp Mỹ, Nga vào Thượng đỉnh Đông Á, mời lãnh đạo ASEAN đối thoại với lãnh đạo APEC tại Đà Nẵng); (ii) *điều phối* (nước điều phối quan hệ ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Mỹ, tại nhiều diễn đàn Liên Hợp Quốc, diễn đàn khu vực và tiểu khu vực) và (iii) *chủ thể đề xuất sáng kiến* (ví dụ nhiều

sáng kiến trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc, APEC, ASEAN, hợp tác tiểu vùng).

Trong ngoại giao đa phương, Việt Nam coi trọng các nguyên lý tổ chức và ứng xử như độc lập chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, mở, dung nạp và tự nguyện.

Không chỉ ở cấp độ đa phương, với sự năng động, tinh thần “tiên phong, mở đường”, “tạo dựng khuôn khổ” đặc trưng của ngoại giao nước tầm trung, Việt Nam đã tạo mạng lưới quan hệ chằng chịt, đan xen lợi ích nhiều chiều, đa dạng với nhiều nước, như thể hiện ở bảng dưới đây:

| Ngoại giao song phương Việt Nam đến cuối 2017 |
|--|
| <i>Quan hệ ngoại giao:</i> 187 nước |
| <i>Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư:</i> khoảng 230 quốc gia và vùng lãnh thổ <i>Giá trị xuất nhập khẩu:</i> 1986: khoảng 789 triệu USD; riêng năm 2017: khoảng 425 tỷ USD <i>Đầu tư trực tiếp nước ngoài:</i> năm 1986 gần như bằng 0; năm 2017: khoảng 36 tỷ USD; nếu tính 30 năm khoảng 336 tỷ USD (vốn đăng ký) |
| <i>Quan hệ Đối tác toàn diện (10 đối tác):</i> Nam Phi, Chi-lê, Bra-xin, Vê-nê-xuê-la, Niu Di-lân, Ác-hen-ti-na, U-crai-na, Hoa Kỳ, Đan Mạch, Mi-an-ma. |
| <i>Đối tác chiến lược (16 đối tác):</i> Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, I-ta-li-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Xinh-ga-po, Pháp, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Ô-xtrây-li-a (Hà Lan: Đối tác chiến lược theo lĩnh vực) |
| <i>Đối tác chiến lược toàn diện:</i> Trung Quốc, Nga, Ấn Độ |
| <i>Quan hệ đặc biệt:</i> Lào, Cam-pu-chia, Cu-ba |
| Đối tác toàn diện hoặc Đối tác chiến lược với <i>tất cả các nước P5</i> Hội đồng Bảo an |

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Về bản sắc - Thương hiệu Việt Nam

Việt Nam đã giải quyết khá tốt mối quan hệ giữa hội nhập và giữ vững, tạo dựng bản sắc. Qua cách thức thực hiện các mục tiêu đối nội và đối ngoại, thế giới đã biết đến Việt Nam là *một quốc gia Đông Nam Á độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, yêu chuộng hòa bình, công lý, ưu tiên quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, ủng hộ ASEAN đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực đang định hình, đi kèm với tư duy mở, liên kết hội nhập sâu rộng, hướng tới chuẩn mực, dựa trên luật pháp, phát triển bền vững, nhân văn, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh*. Theo đó, Việt Nam không phải là một Trung Quốc thu nhỏ hay rập khuôn theo mô hình của bất kỳ ai như quan điểm một số học giả và một bộ phận truyền thông quốc tế mô tả.

Với cách tiếp cận *cân bằng*, nhiều năm qua, Việt Nam đã giành được sự tin cậy ngày càng cao của khu vực và quốc tế trong việc thúc đẩy hợp tác đa phương, tiểu vùng. Đề cao những lợi ích và giá trị chung được chấp nhận rộng rãi như hòa bình, ổn định, phát triển, Việt Nam đã bước đầu thể hiện quan điểm có thể đóng vai trò trung gian hòa giải, dẫn dắt một số tiến trình hợp tác.⁴⁶ Việt Nam đã tỏ rõ chính kiến trong nhiều vấn đề quan trọng như ủng hộ phi hạt nhân hóa, ủng hộ thương mại tự do thế hệ mới, đề cao xây dựng trật tự khu vực, quốc tế dựa trên luật pháp.

Ở cấp độ song phương, Việt Nam đã nỗ lực giải quyết mối quan hệ tế nhị, nhạy cảm giữa chính sách không liên minh với xây dựng các mối quan hệ bạn bè, đối tác thực thụ. Điều này cho thấy cách tiếp cận và lựa chọn tích cực nhưng thận trọng và khéo léo của Việt Nam, phù hợp với đặc điểm của một nước tầm trung.

⁴⁶ Ví dụ Việt Nam được cho là nằm trong danh sách rút gọn tổ chức cuộc gặp Thượng đỉnh giữa Tổng thống Mỹ và Lãnh đạo CHDCND Triều Tiên Kim Jong Un tháng 6/2018.

Việt Nam đã xây dựng hình ảnh nhất quán của một quốc gia tôn trọng luật chơi chung và các giá trị chuẩn tắc. Ví dụ, đối với vấn đề Mê Công, do là nước hạ nguồn thấp nhất, Việt Nam đã thể hiện quan điểm giữ vững nguyên tắc nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước và các mục tiêu phát triển công bằng, hợp lý, bền vững trên cơ sở các tập quán tốt và luật pháp quốc tế, đồng thời tôn trọng lợi ích phát triển chính đáng của các quốc gia khác trong lưu vực. Đối với vấn đề Biển Đông, Việt Nam kiên trì, kiên quyết bảo vệ chủ quyền, nguyên tắc nhưng sẵn sàng thể hiện thiện chí hợp tác để xử lý các thách thức chung, trên tinh thần tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982, tích cực tham gia thực thi và xây dựng bộ quy tắc ứng xử, ủng hộ bảo vệ “lợi ích chung” như môi trường, nguồn cá, an ninh, an toàn và tự do hàng hải.

Có lẽ thương hiệu ngoại giao Việt Nam là sự kiên trì, nhất quán, coi trọng các giá trị chuẩn mực trong ứng xử như hòa bình, đối thoại, bình đẳng, đi kèm với sự kiên quyết khi cần thiết cũng như thái độ sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ những lợi ích chính đáng. Những điểm này trùng khớp với tiêu chí nhận diện nước tầm trung như đã nêu ở trên.

Khuyến nghị

Tại Hội nghị Ngoại giao 29 năm 2016, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chỉ đạo ngành ngoại giao cần định hình được những ưu tiên chiến lược của đất nước và xác lập một tư duy chiến lược cho ngành ngoại giao trong thời kỳ mới; theo đó, Việt Nam cần tham gia và đóng vai trò quan trọng hơn nữa trong việc xây dựng thể chế của các định chế quốc tế nhằm tạo thế và lực cho đất nước. Rõ ràng, ngoại giao Việt Nam cần tiếp tục thể hiện tầm nhìn, nâng cao hiệu quả, thực chất như nêu trong Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế năm 2015.

Trước hết về cách đặt vấn đề, cần tránh hai thái cực của tư tưởng về tầm vóc quốc gia là nhỏ, tự ti, không dám đề xuất sáng kiến, khởi xướng, đi đầu; hoặc ngược lại, cho rằng mình đang ở “đỉnh cao thời đại”, nước

“hình mẫu”, nước “xung kích”. Bên cạnh đó, việc gọi nước tầm trung hay cường quốc tầm trung như phân tích ở trên không phải là cách gọi chính thức mà chỉ đóng vai trò như một gợi ý nội bộ cho các hoạt động ngoại giao.

Theo đó, để đạt mục tiêu nước tầm trung, ngoại giao cần luôn đi trước một bước, với vai trò và hiệu quả phải được đề cao hơn nữa. Cụ thể, trong hoạt động ngoại giao, nên cân nhắc *xây dựng một chỉ số dạng như ICOR trong đầu tư*⁴⁷ để đánh giá thực chất các mối quan hệ; cần tạo các yếu tố vững bền, trong đó quan trọng là đan xen chặt chẽ về lợi ích, giá trị trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của nhau; xây dựng, củng cố khuôn khổ lâu dài cho các mối quan hệ và tăng cường khả năng điều chỉnh, thích ứng trước các thay đổi.

Về ngoại giao đa phương, Việt Nam xây dựng khả năng *khởi xướng, đề xuất sáng kiến mạnh bạo, sẵn sàng dẫn dắt*, cải thiện năng lực ứng phó nhanh, quản trị khủng hoảng, điều hòa lợi ích kể cả khi có khác biệt sâu sắc. Đây là những điểm giúp Việt Nam tiếp tục nâng cao hơn nữa vai trò, vị thế và bảo đảm lợi ích quốc gia của nước tầm trung. Ngoại giao đa phương là công cụ hữu hiệu, nhưng cần xây dựng năng lực để có thể xử lý hiệu quả tính chất phức tạp của công cụ này. Ví dụ trong vấn đề Biển Đông, cùng với việc bảo đảm nguyên tắc, giữa 4 nước ASEAN có yêu sách và 6 nước ASEAN còn lại vẫn cần có sự điều hòa, cân đối lợi ích, giữa ASEAN và Trung Quốc cần từng bước giải tỏa các khác biệt.

Việt Nam cần tiếp tục *đặc biệt ưu tiên ASEAN* (với tư cách là một thực thể tầm trung), gắn một phần với bản sắc ASEAN. Cựu Ngoại trưởng Ô-xtrây-li-a Gareth Evans, chính trị gia đi đầu trong việc thúc đẩy Ô-xtrây-li-a đóng vai trò cường quốc tầm trung, cho rằng nếu tập hợp được sức mạnh toàn khối, ASEAN hoàn toàn có thể đóng vai trò này và

⁴⁷ ICOR được tính bằng công thức sau $ICOR = (K_t - K_{t-1}) / (Y_t - Y_{t-1})$, trong đó K là vốn, Y là sản lượng, t là kỳ báo cáo, t-1 là kỳ trước.

sẽ xử lý quan hệ với các cường quốc bên ngoài một cách hiệu quả hơn nữa.⁴⁸ Cùng vì mục tiêu ưu tiên tính hiệu quả, cựu Ngoại trưởng Phi-líp-pin Del Rosario khuyến nghị ASEAN nên định nghĩa lại vai trò lãnh đạo của Hiệp hội, trong đó bộ ba quốc gia (troika) đông dân nhất gồm In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và Việt Nam đóng vai trò dẫn dắt.⁴⁹ Sau hơn hai thập kỷ tham gia ASEAN, đây là điểm Việt Nam nên cân nhắc trong bối cảnh ASEAN cần có ứng phó nhanh hơn với diễn biến tình hình.

Kết hợp ngoại giao song phương với ngoại giao đa phương một cách nhuần nhuyễn như trong khuôn khổ APEC 2017 là hướng đi hợp lý. Theo kinh nghiệm của nhiều nước tầm trung, Việt Nam có thể vận dụng các thành tố của chiến lược “phòng bị nước đôi” gồm can dự ngoại giao trực tiếp với đối tác/đối tượng, tạo sự phụ thuộc lẫn nhau tương đối về kinh tế, vừa cân bằng cứng từ bên trong (nâng cao sức mạnh cứng) vừa cân bằng mềm thông qua các mối quan hệ song phương và đa phương, trên cơ sở gắn kết lợi ích theo chiều sâu.⁵⁰ Việt Nam sẽ khó thu hút sự quan tâm của Mỹ và Trung Quốc hơn nếu không nằm trong và đóng vai trò chủ động, tích cực trong APEC, EAS và ASEAN.

Việt Nam cần *tăng cường hợp tác, gắn kết thực chất hơn nữa với các nước tầm trung*, tức là hợp tác theo “chiều ngang”. Hai học giả Rory Medcalf và C Raja Mohan khuyến nghị các nước tầm trung khu vực nên tăng cường hợp tác để giảm thiểu tác động không thuận từ cạnh tranh Mỹ - Trung. Theo các học giả này, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam nên tăng cường phối hợp với nhau để

⁴⁸ “Time for ASEAN to be a middle power”, *ASEANNews*, tại <http://www.aseannews.net/time-asean-middle-power/>, 2017, truy cập ngày 4/5/2018.

⁴⁹ Như trên.

⁵⁰ Xem thêm Tran Thi Bich, Yoichiro Sato, “Vietnam’s Post-Cold War hedging strategy: A changing mix of realist and liberal ingredients”, *Asian Politics and Policy*, Vol 10, No. 1 (2018): 81-82.

xuất cải cách các định chế quốc tế theo hướng dân chủ hóa, phản ánh tốt hơn quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các nước tầm trung.⁵¹

Cuối cùng về bản sắc quốc gia, Việt Nam nên tiếp tục làm rõ nét hơn hình ảnh và mô hình Việt Nam (nation-branding). Mô hình không phải để xuất khẩu mà là để tạo *lợi thế cạnh tranh*, giá trị bổ sung lẫn nhau cho các đối tác. Gần đây một số nước đề cao mô hình, bản sắc của một nước Việt Nam độc lập tự chủ, có quan hệ tốt với các nước, kể cả các nước lớn, tích cực hội nhập khu vực, thế giới, trước hết là tại khu vực Đông Nam Á và phát triển kinh tế thành công.⁵² Từ góc độ nước tầm trung, mô hình đó vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện để nâng cao tính hiệu quả và vững bền.

Kết luận

Tóm lại, lý luận và liên hệ thực tiễn có thể thấy Việt Nam sẽ hội đủ những điều kiện cơ bản (năng lực, hành vi, bản sắc) để có thể đặt mục tiêu trở thành cường quốc tầm trung và đóng vai trò như một cường quốc tầm trung sau năm 2030. Về bản chất đây là kịch bản mong muốn Việt Nam tiếp tục bảo đảm các mục tiêu an ninh, phát huy ảnh hưởng và đi lên nấc thang mới của quá trình phát triển. Việc đặt mục tiêu cường quốc tầm trung sẽ dẫn đến những điều chỉnh cho ngoại giao Việt Nam, trên cơ sở kế thừa, học hỏi những kinh nghiệm, tập quán tốt, từ đó góp phần xây dựng một mô hình khả dĩ và hợp lý trong trung hạn./.

⁵¹ Rory Medcalf and C Raja Mohan, “Responding to Indo-Pacific Rivalry: Australia, India and middle power coalitions”, *Analyses*, (Lowy Institute, 8/8/2014): 1-22.

⁵² Ví dụ “North Korean leader envisions Vietnam-like opening for North Korea: source”, *Pulse* (5/4/2018), tại <http://pulsenews.co.kr/view.php?year=2018&no=285653>, truy cập ngày 20/5/2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Chính trị. *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia*. Hà Nội, 2018.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 12*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2016.
3. Phạm Bình Minh. “Vị thế của Việt Nam trên con đường phát triển”. trong *Việt Nam trên đường phát triển*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2016.
4. Lê Hoài Trung (chủ biên). *Đối ngoại đa phương Việt Nam trong thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2017.
5. Nguyễn Vũ Tùng (chủ biên). *Khuôn khổ quan hệ đối tác của Việt Nam*. Hà Nội: Học viện Quan hệ Quốc tế, 2007.
6. Lê Đình Tĩnh. “Bàn về tư duy chiến lược: Lý thuyết, thực tiễn và trường hợp Việt Nam”. *Nghiên cứu Quốc tế*, 4 (111), 12/2017.
7. Tô Anh Tuấn. “Chặng đường dài Việt Nam đi đến Liên Hợp Quốc 1945-1977”. *Nghiên cứu Quốc tế*, 1 (112), 3/2018.
8. Vũ Lê Thái Hoàng và Lê Linh Lan. “Vai trò của ngoại giao đa phương trong chính sách đối ngoại quốc gia tầm trung: Trường hợp của In-đô-nê-xi-a.” *Nghiên cứu quốc tế*, 97, 6/2014.

Tiếng Anh

9. A. F. Cooper (ed.). *Niche Diplomacy: Middle Powers after the Cold War*. New York: Macmillan, 1997.

10. A. F. Cooper, R. A. Higgott and K. R. Nossal. *Relocating Middle Powers: Australia and Canada in a Changing World Order*. Vancouver: University of British Columbia Press, 1993.
11. C. Holbraad. *Middle Powers in International Politics*. London: Macmillan, 1984.
12. Eduard Jordaan. “The Concept of a Middle Power in International Relations: Distinguishing between Emerging and Traditional Middle Powers”. *Politikon: South African Journal of Political Studies*, 30 (1) (2003).
13. Le Dinh Tinh. “The 2017 APEC Summit: A Game Changer for the Asia Pacific?”. *Asia-Pacific Bulletin*, No. 405, (15/11/2017), East West Center, Washington DC.
14. Rory Medcalf and C Raja Mohan. “Responding to Indo-Pacific Rivalry: Australia, India and middle power coalitions”. *Analyses*, (Lowy Institute, 8/8/2014).
15. Sung-Mi Kim. “South Korea’s middle-power diplomacy: Changes and challenges”. *Research Paper*. London: Chatham House, 6/2016.
16. Tran Thi Bich, Yoichiro Sato. “Vietnam’s Post-Cold War hedging strategy: A changing mix of realist and liberal ingredients”. *Asian Politics and Policy* Vol 10, No. 1, (2018).